

Số: /QĐ - BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính
mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng

Phụ lục 1
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP.	Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP.	Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	2.001296	Thủ tục phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo phương thức xét duyệt hồ sơ	Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản	Xuất nhập khẩu	Bộ Công Thương

			lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương		
C. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.000658	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP.	Thông tư số 48 /2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương	Xuất nhập khẩu	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I. Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

1. Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP.

- Trình tự thực hiện

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, thương nhân nhập khẩu kim cương thô nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác nhận nhập khẩu về cơ quan cấp phép.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo để thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, cơ quan cấp phép xác nhận nhập khẩu vào phần bên phải của Giấy chứng nhận KP và gửi kết quả xác nhận nhập khẩu (02 bản sao Giấy chứng nhận KP do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp đã được xác nhận nhập khẩu bởi cơ quan cấp phép) qua đường bưu chính theo địa chỉ đăng ký của thương nhân.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép

+ Đối với Giấy chứng nhận KP: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính về cơ quan cấp phép.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Bản kê khai trực tuyến về đề nghị xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế Chứng nhận KP.

b) Giấy chứng nhận KP cho lô hàng nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp: 01 bản gốc.

c) Tờ khai hải quan nhập khẩu (đã thông quan): 01 bản điện tử.

- Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận KP do cơ quan

có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp đã được xác nhận nhập khẩu bởi cơ quan cấp phép.

- ***Phí, lệ phí (nếu có):*** Không.

- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*** (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không.

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP theo Quy chế Chứng nhận KP

- ***Trình tự thực hiện***

1. Trường hợp có nhu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận KP hoặc cấp lại Giấy chứng nhận KP bị mất, thất lạc, hư hỏng, thương nhân nộp 01 Bản kê khai trực tuyến thông tin về Giấy chứng nhận KP theo mẫu và hướng dẫn quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo để thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận KP theo Quy chế Chứng nhận KP cho thương nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và gửi kết quả (01 bản gốc và 02 bản sao) qua đường bưu chính theo địa chỉ đăng ký của thương nhân hoặc trả lời thương nhân về việc không cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận KP và nêu rõ lý do qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

- Cách thức thực hiện:

Kê khai trực tuyến qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

01 Bản kê khai trực tuyến thông tin về Giấy chứng nhận KP theo mẫu và hướng dẫn quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

- Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân xuất khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận KP theo Quy chế Chứng nhận KP được cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại (01 bản gốc và 02 bản sao) hoặc trả lời thương nhân về việc không cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận KP và nêu rõ lý do qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KP VÀ HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Phần bên trái Giấy chứng nhận KP



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Number: VN...

KIMBERLEY PROCESS CERTIFICATE

The rough diamonds in this shipment have been handled in accordance with the provisions of the Kimberley Process Certification Scheme for rough diamonds.

Country of Origin: Number of Parcels:

Country of Provenance:

Name and address of exporter: Name and address of importer:
.....

HS classification	Cara/carat	Value (US\$)
7102.10.00		
7102.21.00		
7102.31.00		

THIS CERTIFICATE

Issued on: Expires on:

.....

Signature of Authorised Officer/ Official Stamp

2. Phần bên phải Giấy chứng nhận KP



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Number: VN...

KIMBERLEY

PROCESS CERTIFICATE

IMPORT CONFIRMATION

It is hereby certified that the rough diamonds
in this shipment exported

From

Were accepted for import

Into

By.....

On.....

And that the import has been checked and verified
in compliance with the provisions of the Kimberley Process Certification Scheme
for rough diamonds.

HS classification	Cara/carat	Value (US\$)
7102.10.00		
7102.21.00		
7102.31.00		

Signature of Authorised Officer

Stamp of Importing Authority

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KP

Giấy chứng nhận KP phải được khai bằng tiếng Anh. Nội dung khai phải phù hợp với tờ khai hải quan đã làm thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận tải đơn, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói. Nội dung kê khai Giấy chứng nhận KP cụ thể như sau:

1. Số tham chiếu:

a) Nhóm 1: ghi ký tự “VN”

b) Nhóm 2: 02 ký tự (viết in hoa) là viết tắt tên nước nhập khẩu theo Danh sách các thành viên của Quy chế Chứng nhận KP tại Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.

c) Nhóm 3: 02 ký tự, thể hiện năm cấp Giấy chứng nhận KP

d) Nhóm 4: 02 ký tự, thể hiện tên tỉnh nơi cấp Giấy chứng nhận KP với các mã số như sau:

Mã số	Tên tỉnh	Mã số	Tên tỉnh	Mã số	Tên tỉnh
01	Tuyên Quang	13	TP. Hải Phòng	25	Khánh Hoà
02	Cao Bằng	14	Hưng Yên	26	Lâm Đồng
03	Lai Châu	15	Ninh Bình	27	TP. Đồng Nai
04	Lào Cai	16	Thanh Hóa	28	Tây Ninh
05	Thái Nguyên	17	Nghệ An	29	TP. Hồ Chí Minh
06	Điện Biên	18	Hà Tĩnh	30	Đồng Tháp
07	Lạng Sơn	19	Quảng Trị	31	An Giang
08	Sơn La	20	TP. Huế	32	Vĩnh Long
09	Phú Thọ	21	TP. Đà Nẵng	33	TP. Cần Thơ
10	Bắc Ninh	22	Quảng Ngãi	34	Cà Mau
11	TP. Quảng Ninh	23	Gia Lai		

đ) Nhóm 5: 04 ký tự, thể hiện số thứ tự của Giấy chứng nhận KP

Ví dụ: Tỉnh Tuyên Quang cấp 01 Giấy chứng nhận KP mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang EC (Bi) trong năm 2026 thì cách ghi số tham chiếu của Giấy chứng nhận KP này sẽ là: VNEC26010006

2. Nước xuất xứ (Country of Origin) được ghi như sau:

- Trong trường hợp kim cương thô được khai thác hoặc chiết xuất tại một nước, ghi tên nước mà tại nơi đó kim cương thô được khai thác hoặc chiết xuất.

- Ghi “mixed” (pha trộn) trong trường hợp lô hàng có xuất xứ từ hai (02) nước trở lên;

- Ghi “unknown” (không xác định) trong trường hợp nước xuất xứ không phải là nơi kim cương thô được khai thác hoặc chiết xuất và lô hàng có xuất xứ từ hai (02) nước trở lên.

3. Nước xuất khẩu (Country of Provenance): ghi tên nước thành viên cuối cùng mà từ đó kim cương thô được xuất khẩu, như được ghi trong chứng từ nhập khẩu.

4. Tên và địa chỉ của người xuất khẩu (Name and address of exporter): ghi tên và địa chỉ của người xuất khẩu.

5. Số kiện hàng (Number of Parcels): ghi số kiện hàng được xuất khẩu.

6. Tên và địa chỉ của người nhập khẩu (Name and address of importer): ghi tên và địa chỉ của người nhập khẩu.

7. Khối lượng (Cara/carat): ghi khối lượng của kim cương bằng đơn vị cara/carat.

8. Trị giá (Value): ghi trị giá của lô hàng.

9. Địa điểm cấp (Issued on): ghi nơi cấp Giấy chứng nhận KP.

10. Hết hạn vào ngày (Expires on): ghi ngày hết hạn của Giấy chứng nhận KP.

11. Chữ ký của cán bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận KP và con dấu của cơ quan cấp (Signature of Authorised Officer/ Official Stamp): ký tên và đóng dấu.

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

1. Thủ tục phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo phương thức xét duyệt hồ sơ

- Trình tự thực hiện

a) Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương tới Bộ Công Thương.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian tiếp nhận hồ sơ theo công bố của Bộ Công Thương, Bộ Công Thương gửi văn bản lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ, cơ quan ngang Bộ có văn bản trả lời Bộ Công Thương về phương án phân giao hạn ngạch thuế quan.

đ) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ Công Thương cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư 48/2026/TT-BCT cho thương nhân hoặc có văn bản trả lời thương nhân về việc không cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm

a) Đơn đăng ký hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; 01 bản chính hoặc bản sao điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tài liệu chứng minh thương nhân là đối tượng phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo quy định của Bộ Công Thương tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương: 01 bản sao có đóng dấu của thương nhân hoặc bản sao điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 42 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian tiếp nhận hồ sơ theo công bố của Bộ Công Thương.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Thương nhân.

- ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Bộ Công Thương.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan hoặc văn bản trả lời thương nhân về việc không cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan.

- ***Phí, lệ phí (nếu có):*** Không.

- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*** (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục): Đơn đăng ký hạn ngạch thuế quan nhập khẩu (theo năm).

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):***

a) Đối với hàng hóa thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thương nhân được xem xét cho phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện theo quy định về sản xuất, kinh doanh mặt hàng đó.

b) Đối với hàng hoá có yêu cầu cụ thể về đối tượng được phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo cam kết quốc tế, thương nhân được xem xét cho phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện theo cam kết.

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

Đơn đăng ký hạn ngạch thuế quan nhập khẩu (theo năm)
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HẠN NGẠCH THUẾ QUAN NHẬP KHẨU

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Số: ... / , ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ HẠN NGẠCH THUẾ QUAN NHẬP KHẨU NĂM

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu)

1. Tên thương nhân (ghi rõ tên tiếng Việt đầy đủ và tên viết tắt):
 Điện thoại: ... Fax: ... E-mail: ...
2. Địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh:
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất chính:
4. Sản phẩm có sử dụng mặt hàng hạn ngạch thuế quan làm nguyên liệu đầu vào:
5. Nhu cầu sử dụng mặt hàng hạn ngạch thuế quan cho sản xuất (công suất thực tế/ công suất thiết kế):

Căn cứ Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Thương nhân) báo cáo tình hình nhập khẩu mặt hàng ... trong năm ... và đăng ký lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm ... như sau:

Thông tin chi tiết		Năm 20...				Đăng ký HNTQ năm 20...
		HNTQ được cấp năm 20...	TH nhập khẩu 3 quý	Ước TH nhập khẩu năm 20...	Cả năm	
Mặt hàng (Mã HS)	- Lượng (tấn)					
	- Trị giá (nghìn USD)					
	- Nước nhập khẩu (kê khai thông tin lượng, trị giá theo từng nước nhập khẩu)					

(Thương nhân) cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP.

- Trình tự thực hiện

a) Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận KP theo quy định đến cơ quan cấp phép.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp phép thông báo để thương nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy chứng nhận KP cho thương nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương và gửi kết quả (01 bản gốc và 02 bản sao) qua đường bưu chính theo địa chỉ đăng ký của thương nhân hoặc trả lời thương nhân về việc không cấp Giấy chứng nhận KP và nêu rõ lý do qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

d) Trong trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp Giấy chứng nhận KP hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các Giấy chứng nhận KP đã cấp trước đó, cơ quan cấp phép chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất của thương nhân.

Quy trình, thủ tục kiểm tra tại nơi sản xuất của thương nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra về việc thương nhân đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận KP và nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy chứng nhận KP cho thương nhân và gửi kết quả (01 bản gốc và 02 bản sao) qua đường bưu chính theo địa chỉ đăng ký của thương nhân hoặc trả lời thương nhân về việc không cấp Giấy chứng nhận KP và nêu rõ lý do qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Bản kê khai trực tuyến thông tin về Giấy chứng nhận KP theo mẫu và hướng dẫn quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

b) Hoá đơn thương mại: 01 bản sao điện tử.

c) Phiếu đóng gói: 01 bản sao điện tử.

d) Hợp đồng gia công và định mức gia công đã đăng ký với cơ quan Hải quan (nếu có): 01 bản sao điện tử.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định.

+ Trong trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp Giấy chứng nhận KP hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các Giấy chứng nhận KP đã cấp trước đó: 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra về việc thương nhân đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận KP và nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân xuất khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP (01 bản gốc và 02 bản sao) hoặc trả lời thương nhân về việc không cấp Giấy chứng nhận KP và nêu rõ lý do qua Cổng Thông tin một cửa Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của cơ quan cấp phép.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thương nhân chỉ được phép xuất khẩu, nhập khẩu với các thành viên của Quy chế Chứng nhận KP. Bộ Công Thương thông báo Danh sách các thành viên của Quy chế Chứng nhận KP tại Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật

Quản lý ngoại thương.

+ Thông tư số 48/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.